TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2024
V/v: Ly hôn giữa anh T1 và chị T2

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2023/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn***:** Anh Phạm Khánh T1, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện T, Thái Bình

- *Bị đơn:* Chị Lê Thu T2, sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện T, Thái Bình

(Đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2023, bản tự khai 23/10/2023 ý kiến tại phiên hoà giải nguyên đơn là anh Phạm Khánh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thu T2 tự nguyện tìm hiểu tự nguyện, kết hôn với nhau vào ngày 14/3/2022, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống lao động tại địa phương. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế nên thường xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2023, mâu thuẫn căng thẳng nên chị T2 về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã X sinh sống, hai bên không quan tâm, không liên lạc với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Lê Thu T2 không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Lê Thu T2.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh và chị Lê Thu T2 có một con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/10/2022. Hiện nay chị Lê Thu T2 đang trực tiếp nuôi con. Anh đề nghị giải quyết chị Lê Thu T2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2024, đơn đề ngày 15/02/2024 của chị Lê Thu T2 có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Khánh T1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2022 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 5/2023 đến nay, chị cũng đã mong muốn hai bên suy nghĩ lại để đoàn tụ nhưng nay chị thấy hai bên không thể hoà giải đoàn tụ chung sống lâu dài, hơn nữa anh T1 cũng có mối quan hệ mới, chị không còn tình cảm với anh T1 nữa, chị đồng ý ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/10/2022, chị đề nghị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị đề nghị giải quyết vắng mặt.

Do không hoà giải được nên đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Khánh T1 và chị Lê Thu T2 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A vào ngày 14/3/2022, là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng trong quản lý kinh tế nên thường xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 5/2023 mâu thuẫn căng thẳng nên hai anh, chị ly thân. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị giải quyết ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh Phạm Khánh T1 và chị Lê Thu T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Phạm Khánh T1 ly hôn chị Lê Thu T2.

[2.2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung*: Anh Phạm Khánh T1 và chị Lê Thu T2 có một con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/10/2022. Hai bên đều đề nghị giải quyết giao con chung cho chị Lê Thu T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của anh, chị về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật nên áp dụng các Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình giao cho chị Lê Thu T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh H đến khi đủ 18 tuổi. Chị T2 không yêu cầu anh

T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền thăm nom con chung, có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Anh Phạm Khánh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Khánh T1 ly hôn chị Lê Thu T2.

2.Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh Phạm Khánh T1 và chị Lê Thu T2 có một con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 11/10/2022. Giao cho chị Lê Thu T2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thanh H đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T2 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền thăm nom con chung, chị T2 có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Khánh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Phạm Khánh T1 đã nộp theo biên lai số 0004009 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Anh Phạm Khánh T1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Khánh T1 và chị Lê Thu T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *UBND xã A;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình*
- *VKSND huyện Thái Thuỵ;*
- *Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan